TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2024/HS-ST
Ngày 26/8/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Kiểm.
Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Tô Thị Ninh;
- Ông Trần Tô Hiệp.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thành Huế - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2024/HSST ngày 29/7/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST- HS ngày 12/8/2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Nam H** Không có tên gọi khác), sinh: 05/9/1974, tại huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Tổ 5, phường CH, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Minh Thuộc và bà Trần Thị Nhiễu (đã chết); vợ: Cao Thị Thùy (đã ly hôn); con: có 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân:

+ Tại Bản án số 20/2009/HSST ngày 04/6/2009, của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xử phạt Nguyễn Nam H 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", H đã chấp hành xong 17/02/2010.

+ Tại Bản án số 233/2015/HSST ngày 24/8/2015, của Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, xử phạt Nguyễn Nam H 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", H đã chấp hành xong ngày 28/4/2016 **.**

+ Tại Bản án số 159/2018/HSST ngày 18/4/2018, của Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, xử phạt Nguyễn Nam H 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", H đã chấp hành xong ngày 09/01/2020.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/4/2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà giữ Công an huyện Đ. (Có mặt).

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn H1** (Không có tên gọi khác), sinh: 01/01/1964, tại huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú cư trú: Xóm C, xã KS, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 5/10; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Chắt và bà Bùi Thị Lan; vợ là Trương Thị Tuất; con: có 02 con, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1990; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/4/2024 đến ngày 28/5/2024, được tại ngoại, (Có mặt).

- *Bị hại*: Chị Phạm Thị Như Q, sinh năm 1994; địa chỉ: Xóm TT, xã TH, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh Phạm Ngọc Tú, sinh năm 1996; địa chỉ: Xóm TT, xã TH, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/4/2024, Công an xã TH, huyện Định Hoá tiếp nhận đơn trình báo của chị Phạm Thị Như Quỳnh về việc: Khoảng 15 giờ 40 phút ngày 11/4/2024, chị Quỳnh điều khiển xe mô tô BKS 20C1-225.51 đến cổng Trường mầm non xã TH, thuộc xóm Quán Vuông 1, xã TH, sau đó dựng xe ngoài khu vực cổng trường, chìa khoá xe vẫn cắm ở ổ khoá và đi vào trường đón con. Khoảng 15 phút sau, Quỳnh ra vị trí để xe thì phát hiện xe đã bị mất. Công an xã TH đã tiến hành kiểm tra xác minh sơ bộ, lập hồ sơ ban đầu và chuyển hồ sơ tài liệu đến Cơ quan Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Định Hoá để giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 16/4/2024, Nguyễn Nam H đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Định Hoá đầu thú, khai nhận H đã thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô BKS 20C1-225.51 tại Quán Vuông 1, xã TH, huyện Định Hoá, sau đó bán cho Nguyễn Văn H1, sinh năm 1964 trú tại xóm Ca, xã Kha Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên với giá 1.500.000 đồng, đồng thời H giao nộp trang phục H đã mặc đi trộm cắp tài sản vào ngày 11/4/2024.

Tại Kết luận định giá tài sản số 15/KL- ĐG ngày 16/4/2024, của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng huyện Định Hoá kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu sơn cam đen, BKS 20C- 225.51, tại thời điểm định giá có giá trị là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng).

Quá trình điều tra Nguyễn Nam H khai nhận: Bản thân H là người nghiện ma túy nên khoảng 14 giờ ngày 11/04/2024, H đi xe bus di chuyển từ thành phố Thái Nguyên lên xã TH, huyện Đ, gặp bạn để vay tiền mua ma túy. Sau khi xuống xe, H đã gọi điện thoại cho Ma Khánh Anh nhà ở xã Bình Thành, huyện Đ (H không biết thông tin cụ thể) để vay 200.000đ, sau đó H nhờ số tài khoản một người bán hàng ở xã TH để Anh chuyển cho H 200.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, H đi đến khu vực Trường mầm non xã TH để tìm mua ma túy nhưng không gặp được người bán ma túy, H quan sát thấy trước cổng Trường mầm non có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu cam đen, BKS 20C1-225.51 có chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khoá và không có người trông coi, quản lý nên đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên. H tiến đến ngồi lên xe mở chìa khóa, nổ máy và di chuyển theo hướng đi thành phố Thái Nguyên, rồi mang về cất giấu tại nhà. Buổi tối cùng ngày H đã gọi điện thoại cho Nguyễn Văn H1 và nói với H1 về việc H có chiếc xe mô tô đã cũ muốn bán, do H1 cũng đang cần có chiếc xe để làm phương tiện đi lại nên bảo H sáng ngày hôm sau đem xe xuống để xem. Sáng ngày 12/04/2024, H điều khiển chiếc xe mô tô BKS 20C1-225.51 xuống nhà H1 như đã hẹn. Khi đến nhà H1, H nói với H1 " Em có xe lấy trên Định Hoá, anh lấy lại không", H đưa ra giá là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), do biết là xe H trộm cắp được nên H1 nói với H chỉ mua với giá 1.200.000đ đến 1.300.000đ nhưng H không đồng ý, sau đó H1 đã đồng ý mua lại chiếc xe trên và trả cho H 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). H đã sử dụng toàn bộ số tiền bán xe để đi mua ma túy về sử dụng và chi tiêu vào việc cá nhân hết.

Nguyễn Văn H1 khai nhận bản thân không hứa hẹn trước với H nhưng khi biết chiếc xe mô tô BKS 20C1-225.51 là do H trộm cắp được, nhưng H nói xe lấy trên Định Hoá nên H1 nghĩ ở xa sẽ không bị phát hiện và H1 mua mục đích làm phương tiện đi lại quanh xóm, xã và vì ham rẻ nên đã đồng ý mua lại với giá 1.500.000đ (H1 xác định nếu xe chính tên, chính chủ, đủ giấy tờ thì giá chiến xe đó có giá từ 07 đến 09 triệu đồng). Khi bị phát hiện, H1 đã tự nguyện giao nộp lại chiếc xe mô tô nêu trên cho Cơ quan Điều tra.

Vật chứng của vụ án gồm:

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu sơn cam đen, BKS 20C1-225.51. Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho bị hại là chị Phạm Thị Như Quỳnh.

- 01 áo sơ mi kẻ dài tay, màu xám đen, bằng vải đã cũ; 01 quần dài, bằng vải, màu xanh dương, đã cũ; 01 đôi giầy, kiểu giầy lười, màu nâu, giả da đã cũ. Các vật chứng nêu trên hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Hoá chờ xử lý.

Quá trình điều tra bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường về dân sự.

Cáo trạng số: 44/CT-VKSĐH ngày 26/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Nguyễn Nam H về tội "Trộm cắp tài sản", theo quy định tại khoản 1Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Văn H1 về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo thừa nhận hành vi bị truy tố, xét xử là đúng, không oan.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như đã truy tố trong Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Nam H phạm tội: "Trộm cắp tài sản", bị cáo Nguyễn Văn H1 phạm tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Áp dụng: khoản 1Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Nam H từ 24 đến 30 tháng từ, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là ngày 16/4/2024.

Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bi cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tiêu huỷ: 01 áo sơ mi kẻ dài tay, màu xám đen, bằng vải đã cũ; 01 quần dài, bằng vải, màu xanh dương, đã cũ; 01 đôi giầy, kiểu giầy lười, màu nâu, giả da đã cũ của bị cáo Nguyễn Nam H.

- Truy thu số tiền 1.500.000 đồng do H phạm tội mà có để nộp ngân sách nhà nước.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận: Các bị cáo không tranh luận bào chữa.

Lời nói sau cùng: Bị cáo H xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, bị cáo H1 xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và xin được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về sự vắng mặt của chị Quỳnh – là bị hại và anh Tú - là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia tố tụng, chị Quỳnh và anh Tú đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì về sự vắng mặt của họ, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đề nghị xét xử vắng bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Quá trình điều tra, chị Quỳnh và anh Tú không có khiếu nại gì đối với quyết định, hành vi của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng liên quan đến việc mình tham gia nên việc vắng mặt của chị Quỳnh và anh Tú tại phiên tòa không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Quỳnh và anh Tú theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh, điều luật truy tố: Tại phiên toà, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định:

Khoảng 14 giờ ngày 11/4/2024, tại khu vực cổng Trường Mầm non thuộc xóm Quán Vuông 1, xã TH, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên, Nguyễn Nam H lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, đã có hành vi trộm cắp tài sản là 01 chiếc xe mô tô BKS 20C1-225.51, giá trị tài sản là 9.000.000đ (Chín

triệu đồng) của chị Phạm Thị Như Quỳnh. Ngày 12/4/2024, Nguyễn Nam H đem chiếc xe mô tô trộm cắp được xuống nhà Nguyễn Văn H1 để bán cho H1, qua trao đổi H1 biết rõ chiếc xe mô tô BKS 20C1-225.51 do Nguyễn Nam H trộm cắp mà có, nhưng vì ham rẻ nên Nguyễn Văn H1 vẫn mua với giá 1.500.000 đồng.

Hành vi của bị cáo H đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng...thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm"

Hành vi của bị cáo H1 đã đủ cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Điều 323: Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có

"1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm..."

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Định, tỉnh Thái Nguyên truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn ở trên và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét tính chất, hậu quả hành vi của các bị cáo thấy rằng:

Các bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng thực hiện với lỗi cố ý. Do đó, hành vi các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến quyền chiếm hữu, sử dụng tài sản của công dân, đi ngược lại công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm của toàn xã hội, đã xâm phạm đến các điều cấm được Bộ luật hình sự bảo vệ. Hành vi các bị cáo đã thực hiện phải được xử lý bằng pháp luật hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo H "*thành khẩn khai báo"* do đó, bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách triệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo có bố, mẹ đẻ được Chủ tịch Hội đồng nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến. Do đó, bị cáo H được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự**.** Bị cáo không chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo H1 được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: "*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*" và "*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*", quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bố của bị cáo là người có công lao trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, được Nhà nước tăng thưởng Huân chương kháng chiến. Vì vậy, bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt áp dụng đối với các bị cáo: Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ tránh nhiệm hình sự đối với các bị cáo, nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo H có nhân thân xấu, bị cáo là người nghiện ma tuý, bị cáo đã 03 lần phạm tội "Trộm cắp tài sản" và bị xử phạt với mức án nghiêm khắc nhưng không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục phạm tội, điều đó thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo, cần buộc bị cáo cách ly xã hội một thời gian để tập trung cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời nhằm răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

Đối với bị cáo H1, bị cáo H1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội; với mức án nghiêm khắc, dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ để bị cáo tự cải tạo bản thân trở thành người công dân lương thiện, có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, các bị cáo đều là người không có nghề nghiệp, tài sản riêng không có, việc phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo không khả thi trong việc thi hành án, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự đối với bị cáo H và theo quy định tại khoản 5 Điều 323 Bộ luật hình sự đối với bị cáo H1.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Vật chứng: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu sơn cam đen, BKS 20C1-225.51 bị cáo H trộm cắp đem bán cho bị cáo H1, quá trình điều tra Cơ quan Điều tra đã thu hồi, sau khi xác minh, điều tra làm rõ, Cơ quan Điều tra đã trả cho chị Phạm Thị Như Quỳnh là người quản lý hợp pháp là đúng quy định của pháp luật.

- 01 áo sơ mi kẻ dài tay, màu xám đen, bằng vải đã cũ; 01 quần dài, bằng vải, màu xanh dương, đã cũ; 01 đôi giầy, kiểu giầy lười, màu nâu, giả da đã cũ bị cáo H mặc khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo tự giác giao nộp, tại phiên toà bị cáo H không yêu cầu được lấy lại, nên cần tiêu hủy.

Số tiền 1.500.000 đồng của bị cáo H bán tài sản trộm cắp cho bị cáo H1, bị cáo H1 biết rõ tài sản do bị cáo H trộm cắp mà có nhưng vẫn mua, tài sản trộm cắp đã thu hồi và trả cho bị hại, sau khi nhận tiền của bị cáo H1, bị cáo H đã dùng mua ma tuý sử dụng và tiêu xài cá nhân hết. Vì vậy, cần truy truy thu số tiền này đối với bị cáo H để nộp ngân sách nhà nước.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10] Đề nghị của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, hình phạt và vấn đề khác là đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự.

1.Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Nam H phạm tội: "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Nguyễn Văn H1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Nam H 24 (hai mươi tư) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là ngày 16/4/2024. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối vói bị cáo

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn H1 cho Uỷ ban nhân dân xã Kha Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tiêu huỷ: 01 áo sơ mi kẻ dài tay, màu xám đen, bằng vải đã cũ; 01 quần dài, bằng vải, màu xanh dương, đã cũ; 01 đôi giầy, kiểu giầy lười, màu nâu, giả da đã cũ của bị cáo Nguyễn Nam H.

- Truy thu số tiền 1.500.000 đồng do H phạm tội mà có để sung ngân sách nhà nước.

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 08/8/2024 giữa Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ).

3. Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 135; 136; 331; 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Nam H, Nguyễn Văn H1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung nộp ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Các bị cáo;Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ vụán.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Văn Kiểm